TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**25**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2025
"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chuyên- ông Hoàng Ngọc Phiến

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tuyết- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2025 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T- sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi thường trú: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố L, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Đ, Phân trại số C, trại giam X, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa chị Hoàng Thị T trình bày*: Chị kết hôn với anh Phạm Văn L trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không ai lừa dối hay ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn G), huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật vào ngày 23 tháng 04 năm 2021. Trước khi đăng ký kết hôn, chị đã có gia đình sống ly thân từ năm 2014 đến năm 2017 chị ly hôn với chồng cũ và nuôi 02 con. Chị và anh L có khoảng thời gian tìm hiểu và sống chung. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn như mâu thuẫn về cách nuôi dạy giữa con chung và con riêng của chị nên vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống và chị đã từng làm đơn ly hôn đến Tòa án

nhưng do anh L không hợp tác nên không giải quyết được, chị rút đơn về. Hiện nay, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, anh L phải chất hành án phạt tù và một mình chị đang nuôi cả 03 con, cuộc sống vất vả. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh L có 01 (một) con chung là Phạm Nhật V, sinh ngày 29/11/2021. Hiện nay cháu V đang ở với chị, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Phạm Văn L khai:* Anh và chị T có tìm hiểu từ năm 2016 và sống chung đến năm 2021 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn G), việc kết hôn có tự nguyện. Anh L xác định, thời gian chung sống vợ chồng hòa thuận, yêu thương nhau không có mâu thuẫn hay cãi vã. Đến tháng 11 năm 2022, anh bị bắt và đi thi hành án phạt tù 07 năm 06 tháng, đến nay đã chấp hành án được 03 năm. Trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam X anh thường xuyên gọi điện về hỏi thăm và động viên, chị T và con là nguồn độc lực tinh thần cho anh cải tạo nhưng mỗi khi gọi điện về thì chị T thường né tránh, không nghe điện thoại, anh mong muốn sau khi chấp hành án xong anh sẽ bù đắp cho chị T và con nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh nhất trí trình bày của chị T về con chung, vợ chồng có 01 con chung hiện đang ở với chị T, trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh thì anh nhất trí đề cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi anh chấp hành án xong, ngoài ra, chị T có 02 con riêng, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh nhất trí với ý kiến của chị T, xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Thu G nguyên quan điểm khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh L, đề nghị được nuôi con, tài sản chung không, con không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56 , 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Hoàng Thị T. Về quan hệ hôn nhân: cho chị T được ly hôn anh L; Về con chung: Giao con chung tên Phạm Nhật V, sinh ngày 29/11/2021 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Phạm Văn L trước khi chấp hành án tại trại giam X, Hải Phòng có nơi thường trú tại tổ dân phố L, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, sau khi thụ lý vụ án anh L không có ý kiến gì về việc Tòa án nhân dân huyện Phú Lương thụ lý giải quyết, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án do các đương sự không thỏa thuận được giải quyết vụ án, căn cứ vào khoản 3 Điều 203, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phú Lương quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, anh Phạm Văn L hiện cải tạo tại Trại giam X đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L

[2.] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn G), huyện P, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống về cách nuôi dạy giữa con chung và con riêng, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống và chị đã từng làm đơn ly hôn. Mâu thuẫn càng trầm trọng hơn khi anh L phải chất hành án phạt tù và một mình chị đang nuôi cả 03 con, cuộc sống vất vả, nay chị cương quyết xin ly hôn anh L. Anh L xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên anh L cũng xác định khi gọi điện về thì chị T thường né tránh, không nghe điện thoại như chị T có mối tình khác. Do đó, chị T và anh L không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L xác định có 01 (một) con chung tên Phạm Nhật V, sinh ngày 29/11/2021 và chị T xin được nuôi con chung. Phía anh L cũng nhất trí để chị T nuôi con chung cho đến khi anh chấp hành án xong. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh L hiện đang chấp hành án phạt tù, chị T đang trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung nên xét điều kiện, hoàn cảnh để chăm sóc, giáo dục con chung, đồng thời để ổn định cuộc sống của con chung nên cần giao con chung tên Phạm Nhật V, sinh ngày 29/11/2021 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Văn L có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, cha (mẹ) trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4.] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 , Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Phạm Văn L

2. Về con chung: Chị T và anh L có 01 (một) con chung là Phạm Nhật V, sinh ngày 29/11/2021 .

2.1 Giao con chung Phạm Nhật V, sinh ngày 29/11/2021 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Anh Phạm Văn L có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, cha (mẹ) trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích chung, các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004867 ngày 24/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- UBND TT Giang Tiên, huyện Phú Lương;
- Lưu: HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Chu Thị Bích Hiền